

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	7 - 8
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất</i>	9
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	10
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</i>	11 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần X20 được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty 20 trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 26/02/2020.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Sản xuất giày dép; Máy trang phục (trừ trang phục lông thú); Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tét bện; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược; Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Sản xuất thảm, chăn đệm; Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện và các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, sản xuất phao cứu sinh, sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác; Sản xuất áo amiăng; Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại khác; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sản phẩm cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...; Sản xuất bàn chải giấy, quần áo; Sản xuất găng tay; Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; Sản xuất tàu hút xi gà; Sản xuất các sản phẩm dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày; Hoạt động nhồi bông thú; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn tổng hợp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ tác quyền tác giả và giống cây trồng; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo; Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu và chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng; Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Kinh doanh ô tô, xe máy; Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may./.

Trụ sở chính của Công ty số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 172.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2019 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Phạm Văn Đô	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/3/2020
Ông Hà Chí Khoa	Chủ tịch HĐQT	Bỏ nhiệm ngày 01/3/2020
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT	
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên HĐQT	
Ông Chu Văn Đệ	Thành viên HĐQT	
Ông Đỗ Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	
Bà Phan Vũ Thúy Anh	Thành viên HĐQT	

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc

3. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc.

4. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Hà Chí Khoa

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần X20

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty được lập ngày 31/3/2020, trình bày từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần X20 tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



ONG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		263.023.258.443	683.956.149.485
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	26.914.848.405	35.146.809.670
1. Tiền	111		26.914.848.405	32.646.809.670
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.252.050.138	347.444.063.041
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	51.907.212.254	328.184.874.540
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.410.254.394	8.946.652.223
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	18.753.304.976	10.312.536.278
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.818.721.486)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		164.444.856.781	300.889.293.662
1. Hàng tồn kho	141	V.04	164.507.756.851	300.942.281.393
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(62.900.070)	(52.987.731)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.411.503.119	475.983.112
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.a	332.170.762	475.983.112
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.975.106.697	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.104.225.660	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		265.143.237.901	261.960.609.975
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		253.440.323.688	224.683.225.515
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	248.049.775.141	219.330.613.336
- Nguyên giá	222		458.055.604.487	407.997.371.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(210.005.829.346)	(188.666.758.578)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	5.390.548.547	5.352.612.179
- Nguyên giá	228		11.809.006.347	11.671.306.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.418.457.800)	(6.318.694.168)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	31.809.144.167
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	-	31.809.144.167
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	1.659.000.000	1.659.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.659.000.000	1.659.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.043.914.213	3.809.240.293
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.b	10.043.914.213	3.809.240.293
TỔNG TÀI SẢN	270		528.166.496.344	945.916.759.460

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		291.138.404.815	690.190.388.743
I. Nợ ngắn hạn	310		279.565.377.436	689.192.388.743
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	101.851.964.772	270.264.957.284
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.139.990.225	27.197.842.431
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	4.077.124.081	11.537.227.450
4. Phải trả người lao động	314		37.286.053.813	51.891.821.612
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	8.703.824.258	3.459.796.148
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	10.760.458.856	143.619.405.634
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	25.112.990.827	49.000.759.596
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	84.207.133.831	128.168.219.186
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.982.633.732	2.438.118.707
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.443.203.041	1.614.240.695
II. Nợ dài hạn	330		11.573.027.379	998.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	998.000.000	998.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	10.575.027.379	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		237.028.091.529	255.726.370.717
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	237.028.091.529	255.726.370.717
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.997.798.914	56.963.064.934
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.530.292.615	26.263.305.783
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.252.414.121	2.360.517.121
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.277.878.494	23.902.788.662
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		528.166.496.344	945.916.759.460



Hà Chí Khoa
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Phan Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thùy Linh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	910.167.738.143	1.047.607.416.508
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17	-	18.368.182
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.17	910.167.738.143	1.047.589.048.326
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	782.851.745.502	910.943.405.334
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127.315.992.641	136.645.642.992
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	631.940.469	2.091.060.237
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	7.730.143.398	1.186.762.701
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.865.094.100</i>	<i>757.255.570</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên danh liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.21	19.749.317.595	23.869.954.370
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.21	93.190.010.254	83.259.138.975
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.278.461.863	30.420.847.183
12. Thu nhập khác	31	VI.22	3.500.906.383	584.809.459
13. Chi phí khác	32	VI.23	3.300.853.293	323.130.502
14. Lợi nhuận khác	40		200.053.090	261.678.957
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.478.514.953	30.682.526.140
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	2.200.636.459	6.671.634.478
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.277.878.494	24.010.891.662
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.277.878.494	24.010.891.662
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25	223	1.183



Hà Chí Khoa
Chủ tịch HĐQT
 Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Phan Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thùy Linh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.478.514.953	30.682.526.140
2. Điều chỉnh cho các khoản				
+ Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		24.221.707.969	23.044.140.647
+ Các khoản dự phòng	03		6.373.148.850	2.001.072.007
+ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá	04		(14.114.143)	(149.019.692)
+ (Lãi) hoạt động đầu tư	05		(499.103.036)	(2.020.471.470)
+ Chi phí lãi vay	06		6.865.094.100	757.255.570
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		44.425.248.693	54.315.503.202
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		325.315.271.415	80.766.142.916
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		136.434.524.542	31.718.976.981
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(435.851.222.268)	(54.598.604.409)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.074.130.795	1.416.610.923
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.865.094.100)	(757.255.570)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.000.911.225)	(6.466.575.604)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		64.531.947.852	106.394.798.439
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(35.546.765.153)	(13.427.813.509)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		796.773.333	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		499.103.036	2.020.471.470
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.250.888.784)	(11.407.342.039)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		319.956.218.819	65.888.766.265
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(353.342.276.795)	(180.684.179.413)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.141.076.500)	(20.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.527.134.476)	(135.495.413.148)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.246.075.408)	(40.507.956.748)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		35.146.809.670	75.505.746.726
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		14.114.143	149.019.692
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		26.914.848.405	35.146.809.670



Hà Chí Khoa
 Chủ tịch HĐQT
 Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Phan Vũ Thúy Anh
 Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thùy Linh
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty cổ phần X20 được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty 20 trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 26/02/2020.

Trụ sở chính của Công ty số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 172.500.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng). Cơ cấu vốn như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp nhà nước	12.371.190	123.711.900.000	71,72 %
Công ty cổ phần đầu tư Cái Mép	500.000	5.000.000.000	2,9%
Vốn góp của cổ đông khác	4.378.810	43.788.100.000	25,38 %
Cộng	17.250.000	172.500.000.000	100,00%

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Sản xuất giày dép; May trang phục (trừ trang phục lông thú); Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược; Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Sản xuất thảm, chăn đệm; Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện và các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, sản xuất phao cứu sinh, sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác; Sản xuất áo amiăng; Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại khác; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sản phẩm cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...; Sản xuất bàn chải giấy, quần áo; Sản xuất găng tay; Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; Sản xuất tẩu hút xì gà; Sản xuất các sản phẩm dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày; Hoạt động nhồi bông thú; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn tổng hợp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ tác quyền tác giả và giống cây trồng; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo; Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu và chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng; Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Kinh doanh ô tô, xe máy; Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may./.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

3. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các Công ty con và các đơn vị trực thuộc sau:

* Các Công ty con

Tên	Vốn điều lệ	Vốn thực góp tại 31/12/2019	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	8.000.000.000	8.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	9.500.000.000	9.500.000.000	100%
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	38.235.835.186	38.235.835.186	100%
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	6.000.000.000	6.000.000.000	100%

* Các đơn vị thành viên của Công ty

- Xí nghiệp thương mại
- Xí nghiệp may 3
- Xí nghiệp đo may quân đội

* Công ty liên doanh, liên kết

- Công ty cổ phần 199 - Tỷ lệ sở hữu vốn 33,4%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

6. GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

7. THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

9. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.907.715.329	4.495.301.623
Tiền gửi ngân hàng	24.007.133.076	28.151.508.047
Các khoản tương đương tiền	-	2.500.000.000
Cộng	26.914.848.405	35.146.809.670

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	51.907.212.254	328.184.874.540
- Cục Quân nhu	3.217.117.445	269.181.213.743
- Công ty TNHH Thịnh Vượng Toàn Cầu	-	1.814.025.000
- Poongshin Co., LTD	703.151.562	4.939.960.407
- PRO SPORT (HK) LIMITED	198.136.835	10.097.884.617
- Công ty cổ phần Dệt may Bình Minh	-	-
- CK DIAZ GENERAL MERCHANDISE	2.529.742.621	4.970.997.369
- Các khoản phải thu khách hàng khác	45.259.063.791	37.180.793.404

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	18.753.304.976	-	10.312.536.278	-
- Phải thu khác	17.491.265.768	-	9.366.310.942	-
- Tạm ứng	1.242.143.443	-	939.087.537	-
- Bảo hiểm xã hội	19.895.765	-	3.482.001	-
- Bảo hiểm y tế	-	-	2.780.198	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	875.600	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	18.753.304.976	-	10.312.536.278	-

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	47.614.669.820	(62.900.070)	72.596.953.854	(52.987.731)
Công cụ, dụng cụ	312.646.799	-	496.708.556	-
Chi phí SXKD dở dang	32.264.354.949	-	136.453.299.650	-
Thành phẩm	70.379.374.326	-	82.116.964.004	-
Hàng hóa	13.866.207.766	-	9.197.004.612	-
Hàng gửi bán	70.503.191	-	81.350.717	-
Cộng	164.507.756.851	(62.900.070)	300.942.281.393	(52.987.731)

CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
a. Ngắn hạn	332.170.762	475.983.112
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	332.170.762	475.983.112
b. Dài hạn	10.043.914.213	3.809.240.293
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	10.043.914.213	3.809.240.293

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Chi tiết xem tại phụ lục số 01 đính kèm)**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm kế toán <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	9.504.466.000	263.367.720	1.903.472.627	11.671.306.347
- Mua trong năm	-	-	137.700.000	137.700.000
Số cuối năm	<u>9.504.466.000</u>	<u>263.367.720</u>	<u>2.041.172.627</u>	<u>11.809.006.347</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số đầu năm	5.912.566.000	263.367.720	142.760.448	6.318.694.168
- Khấu hao trong năm	-	-	99.763.632	99.763.632
- Giảm khác	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>5.912.566.000</u>	<u>263.367.720</u>	<u>242.524.080</u>	<u>6.418.457.800</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	<u>3.591.900.000</u>	-	<u>1.760.712.179</u>	<u>5.352.612.179</u>
Số cuối năm	<u>3.591.900.000</u>	-	<u>1.798.648.547</u>	<u>5.390.548.547</u>

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>	Giá đánh giá lại <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>
Xây dựng cơ bản dở dang				-
Nhà xưởng XN dệt Nam Định	-	-	30.629.404.649	30.629.404.649
Dự án xây dựng cải tạo khác	-	-	1.179.739.518	1.179.739.518
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>31.809.144.167</u>	<u>31.809.144.167</u>

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Chi tiết xem tại phụ lục số 02 đính kèm)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	101.851.964.772	101.851.964.772	270.264.957.284	270.264.957.284
- Công ty CP đầu tư và xây lắp Thành An 386	1.803.164.503	1.803.164.503	5.805.236.201	5.805.236.201
- Công ty cổ phần 22	-	-	3.480.108.080	3.480.108.080
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	1.303.707.983	1.303.707.983	112.639.894.178	112.639.894.178
- Công ty TNHH một thành viên dệt may 7	-	-	19.829.327.832	19.829.327.832
- Công ty TNHH SX và KD nguyên liệu may VN	1.814.590.140	1.814.590.140	10.735.011.625	10.735.011.625
- Phải trả khác	96.930.502.146	96.930.502.146	117.775.379.368	117.775.379.368

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số cuối năm VND	Giá trị VND	Số cuối năm VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	11.537.227.450	21.729.827.505	29.189.930.874	4.077.124.081		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	8.473.300.990	16.881.950.085	21.985.760.978	3.369.490.097		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.031.156.606	2.344.105.396	4.696.685.565	678.576.437		
- Thuế thu nhập cá nhân	32.769.854	534.923.824	538.636.131	29.057.547		
- Thuế môn bài	-	12.000.000	12.000.000	-		
- Tiền thuế đất, thuế đất	-	1.956.848.200	1.956.848.200	-		
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	263.968.988	263.968.988	-		
b. Thuế và các khoản phải thu	-	-	2.104.225.660	2.104.225.660		
- Thuế GTGT	-	-	800.000.000	800.000.000		
- Thuế TNDN	-	-	1.304.225.660	1.304.225.660		

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	8.703.824.258	3.459.796.148
- Tiền thuê đất Quốc phòng	3.689.764.628	-
- Trích trước tiền lương nghỉ phép	3.131.814.917	3.167.966.376
Trích trước tiền điện, nước phải trả	306.454.051	251.579.598
Chi phí trích trước khác	1.575.790.662	40.250.174
Cộng	8.703.824.258	3.459.796.148

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	10.760.458.856	143.619.405.634
- Doanh thu nhận trước CT nhà chung cư	-	67.108.454.771
- Doanh thu nhận trước các mặt hàng may mặc	10.760.458.856	76.471.350.863
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	39.600.000

14. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	25.112.990.827	49.000.759.596
- Kinh phí công đoàn	2.441.491.838	1.646.960.231
- Bảo hiểm xã hội	62.863.666	111.950.333
- Nhận ký quỹ, ký cược	54.008.000	54.008.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.554.627.323	47.187.841.032
+ <i>Cổ tức còn phải trả</i>	12.436.345.176	65.155.176
+ <i>Vật tư nhập kho chưa có HĐ GTGT</i>	5.556.157.662	41.640.113.486
+ <i>Tiền thu quỹ ủng hộ chưa nộp cấp trên</i>	296.264.026	296.264.026
+ <i>Phải trả đối tượng khác</i>	4.265.860.459	5.186.308.344
b) Dài hạn	998.000.000	998.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	998.000.000	998.000.000
Cộng	26.110.990.827	49.998.759.596

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

TT	Nội dung	Giá trị	Số cuối năm	Giá trị	Số đầu năm
			Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn		84.207.133.831	84.207.133.831	128.168.219.186	128.168.219.186
-	Cục tài chính Bộ quốc phòng, Tổng cục hậu cần	10.765.393.400	10.765.393.400	71.914.267.250	71.914.267.250
-	Ngân hàng TMCP quân đội - CN Nam Định ⁽¹⁾	31.176.494.583	31.176.494.583	1.076.756.631	1.076.756.631
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam ⁽²⁾	6.503.235.880	6.503.235.880	8.058.027.526	8.058.027.526
-	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long ⁽³⁾	35.762.009.968	35.762.009.968	47.119.167.779	47.119.167.779
b) Vay dài hạn		10.575.027.379	10.575.027.379	-	-
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam ⁽⁴⁾	421.499.379	421.499.379	-	-
-	Ngân hàng TMCP quân đội - CN Nam Định ⁽⁵⁾	10.153.528.000	10.153.528.000	-	-
	Cộng	94.782.161.210	94.782.161.210	128.168.219.186	128.168.219.186

(1) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số 15519.19.775.3388315.TD ngày 08/5/2019. Hạn mức vay là 40.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay tùy thuộc vào kế ước nhận nợ, lãi suất 7,9%/năm với mục đích thanh toán tiền hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(2) - Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN chi nhánh Thành Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/9976605/HĐTD ngày 28/02/2019. Số tiền vay là 3.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 8%/năm với mục đích thanh toán tiền hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN chi nhánh Thành Nam theo hợp đồng tín dụng số 02/2019/9976605/HĐTD ngày 23/04/2019. Số tiền vay là 2.200.000.000 VNĐ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 8%/năm với mục đích thanh toán tiền hàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN chi nhánh Thành Nam theo hợp đồng tín dụng số 03/2019/9976605/HĐTD ngày 26/04/2019. Số tiền vay là 1.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 8%/năm với mục đích thanh toán tiền mua hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN theo hợp đồng tín dụng số 06/2019/9976605/HĐTD ngày 05/11/2019. Số tiền vay là 2.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 7,7%/năm với mục đích thanh toán tiền nhiên liệu + gia công vải phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN theo hợp đồng tín dụng số 08/2019/9976605/HĐTD ngày 27/11/2019. Số tiền vay là 1.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 7,7%/năm với mục đích thanh toán tiền hóa chất phục vụ sản xuất kinh doanh.

(3) Hợp đồng cấp tín dụng Số: 45516.18.054.5124.TD ngày 24/12/2018 và văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 45516.18.054.5124.TD.PL ngày 31/03/2019, hạn mức vay 100 tỷ đồng, Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 07 tháng, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ.

(4) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN chi nhánh Thành Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/9976605/HĐTD ngày 10/05/2018. Số tiền vay là 1.784.999.370 VNĐ, thời hạn vay 24 tháng, lãi

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

suất 8%/năm với mục đích mua đầu tư máy chế bản phim và các linh kiện phục vụ hoạt động SX kinh doanh.

(5) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số 4186.19.775.338315.TD ngày 31/01/2019. Số tiền vay là tối đa 12.358.528.000 VNĐ, thời hạn vay tối đa 60 tháng, lãi suất theo từng lần giải ngân với mục đích Cho vay đầu tư mới máy móc thiết bị phục vụ mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2019	172.500.000.000	56.963.064.934	26.263.305.783	255.726.370.717
- Lãi trong năm nay	-	-	5.277.878.494	5.277.878.494
- Trích lập các quỹ	-	34.733.980	-	34.733.980
- Chi trả cổ tức ⁽¹⁾	-	-	17.250.000.000	17.250.000.000
- Phân phối lợi nhuận ⁽¹⁾	-	-	6.760.891.662	6.760.891.662
- Giảm khác	-	-	-	-
31/12/2019	172.500.000.000	56.997.798.914	7.530.292.615	237.028.091.529

(1) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25/4/2019.

16.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Vốn Nhà nước	123.711.900.000	123.711.900.000
- Công ty cổ phần đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	43.788.100.000	43.788.100.000
Cộng	172.500.000.000	172.500.000.000

16.3 CỔ PHIẾU

	Số cuối năm CP	Số đầu năm CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Mệnh giá cổ phiếu (VNĐ/Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	830.868.684.981	1.038.800.347.954
- Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS	70.390.613.279	-
- Doanh thu cho thuê mặt bằng, nhà xưởng	8.908.439.883	8.807.068.554
Cộng	910.167.738.143	1.047.607.416.508
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	18.368.182
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	910.167.738.143	1.047.589.048.326

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	713.458.806.609	907.336.760.131
- Giá vốn hoạt động kinh doanh BĐS	66.504.469.265	
- Giá vốn cho thuê mặt bằng, nhà xưởng	2.888.469.628	3.606.645.203
Cộng	782.851.745.502	910.943.405.334

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	260.423.036	1.447.379.185
- Lợi nhuận từ hoạt động liên doanh liên kết	238.680.000	317.880.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.219.447	218.357.654
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	92.617.986	107.443.398
Cộng	631.940.469	2.091.060.237

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	6.865.094.100	757.255.570
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	394.534.297	428.629.292
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	470.515.001	877.839
Cộng	7.730.143.398	1.186.762.701

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a. Chi phí bán hàng	19.749.317.595	23.869.954.370
- Chi phí nhân công	2.529.448.872	1.383.327.553
- Chi phí vật liệu, bao bì	3.934.734.451	5.546.128.487
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	16.175.384	87.538.770
- Chi phí khấu hao TSCĐ	69.261.388	63.399.478
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.770.867.834	9.614.646.894
- Chi phí khác bằng tiền	6.428.829.666	7.174.913.188
b. Chi phí quản lý	93.190.010.254	83.259.138.975
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	5.598.938.225	5.055.050.621
- Chi phí nhân công	43.334.218.730	36.564.120.354
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.377.907.354	4.111.200.866
- Thuế, phí, lệ phí	5.179.437.649	2.910.437.104
- Các khoản dự phòng	4.818.721.486	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.746.141.442	7.036.510.768
- Chi phí khác bằng tiền	22.134.645.368	27.581.819.262

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Tiền bồi thường bảo lũ, hỗ trợ GPMB	-	-
- Tiền thanh lý TSCĐ, vật tư	156.545.455	74.546.306
- Tiền cho thuê nhà công vụ	282.240.362	449.582.550
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	2.758.690.142	-
- Thu nhập khác	303.430.424	60.680.603
Cộng	3.500.906.383	584.809.459

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Các khoản phạt, truy thu thuế	857.721.405	24.500.000
- Chi phí từ thanh lý TSCĐ	-	211.732.614
- Chi phí khác	2.443.131.888	86.897.888
Cộng	3.300.853.293	323.130.502

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	1.209.714.721	5.730.490.292
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	990.921.738	941.144.186
Cộng	2.200.636.459	6.671.634.478

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.277.878.494	24.010.891.662
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm	1.425.027.193	3.601.633.749
- Phân bổ quỹ khen thưởng phúc lợi	1.425.027.193	3.601.633.749
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.852.851.301	20.409.257.913
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	17.250.000	17.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	223	1.183
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	272.523.030.745	515.835.380.287
Chi phí nhân công	256.778.291.995	260.993.245.528
Khấu hao tài sản cố định	24.221.707.969	23.044.140.955
Chi phí dự phòng	4.818.721.486	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.062.203.020	37.453.834.058
Chi phí bằng tiền khác	32.850.518.201	37.710.114.777
Cộng	632.254.473.416	875.036.715.605

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.8.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm	Giá trị ghi sổ
	VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.914.848.405	35.146.809.670
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.660.517.230	338.497.410.818
Đầu tư dài hạn	1.659.000.000	1.659.000.000
Cộng	99.234.365.635	375.303.220.488
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	94.782.161.210	128.168.219.186
Phải trả người bán và phải trả khác	125.458.600.095	318.504.806.316
Chi phí phải trả	8.703.824.258	3.459.796.148
Cộng	228.944.585.563	450.132.821.650
Trạng thái ròng	(129.710.219.928)	(74.829.601.162)

Tại ngày 31/12/2019 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Các khoản vay	84.207.133.831	10.575.027.379	94.782.161.210
Phải trả người bán và phải trả khác	124.460.600.095	998.000.000	125.458.600.095
Chi phí phải trả	8.703.824.258	-	8.703.824.258
Cộng	217.371.558.184	11.573.027.379	228.944.585.563
Số đầu năm			
Các khoản vay	128.168.219.186	-	128.168.219.186
Phải trả người bán và phải trả khác	317.506.806.316	998.000.000	318.504.806.316
Chi phí phải trả	3.459.796.148	-	3.459.796.148
Cộng	449.134.821.650	998.000.000	450.132.821.650

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.914.848.405	-	26.914.848.405
Phải thu khách hàng và phải thu khác	70.660.517.230	-	70.660.517.230
Đầu tư dài hạn	-	1.659.000.000	1.659.000.000
Cộng	97.575.365.635	1.659.000.000	99.234.365.635
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.146.809.670	-	35.146.809.670
Phải thu khách hàng và phải thu khác	338.497.410.818	-	338.497.410.818
Đầu tư dài hạn	-	1.659.000.000	1.659.000.000
Cộng	373.644.220.488	1.659.000.000	375.303.220.488

Hội đồng quản trị đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh dịch vụ là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

29. BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của HĐQT, BKS và ban Tổng Giám đốc	3.709.866.230	3.121.810.531
Thù lao và thu nhập của HĐQT và BKS	3.709.866.230	3.121.810.531

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty cổ phần 199	Công ty liên kết	Cho thuê TSCĐ	9.590.724
		Cổ tức được chia	199.080.000

VII. THÔNG TIN KHÁC**Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất cứ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.



Hà Chí Khoa
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Phan Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thùy Linh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Phụ lục 01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	242.673.519.343	136.065.945.884	17.701.842.295	5.364.706.265	6.191.358.127	407.997.371.914
- Mua trong năm	-	28.283.598.004	1.708.688.074	527.272.727	-	30.519.558.805
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	26.052.620.835	-	-	-	-	26.052.620.835
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.201.558.988)	-	-	-	(4.201.558.988)
- Giảm khác	(2.312.388.079)	-	-	-	-	(2.312.388.079)
Số cuối năm	266.413.752.099	160.147.984.900	19.410.530.369	5.891.978.992	6.191.358.127	458.055.604.487
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	95.765.000.637	78.758.682.145	9.480.843.706	3.484.697.134	1.177.534.956	188.666.758.578
- Khấu hao trong năm	13.975.883.999	8.280.941.002	1.095.922.238	769.197.098	-	24.121.944.337
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.902.840.608)	-	-	-	(1.902.840.608)
- Giảm khác	(880.032.961)	-	-	-	-	(880.032.961)
Số cuối năm	108.860.851.675	85.136.782.539	10.576.765.944	4.253.894.232	1.177.534.956	210.005.829.346
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	146.908.518.706	57.307.263.739	8.220.998.589	1.880.009.131	5.013.823.171	219.330.613.336
Số cuối năm	157.552.900.424	75.011.202.361	8.833.764.425	1.638.084.760	5.013.823.171	248.049.775.141

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Phụ lục 02: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			1.659.000.000	1.659.000.000	1.659.000.000	1.659.000.000
Công ty cổ phần 199	33,40%	33,40%	1.659.000.000	1.659.000.000	1.659.000.000	1.659.000.000
						-

